

Số: 311 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 12/TTr-SKHĐT ngày 13/02/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính mới ban hành và 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 trong lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thuộc chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- Phòng: KT, CCHC (Đ27) (VIC);
- Lưu: VT. Tr 02/3.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG  
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN  
CHÍNH THỨC (ODA) THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 311 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Số hồ sơ TTHC bị bãi bỏ	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ
<b>I. Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 24/6/2016</b>		
1.	T-CMU-287249-TT	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	T-CMU-287250-TT	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh
3.	T-CMU-287251-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ
4.	T-CMU-287252-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ
5.	T-CMU-287253-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ
6.	T-CMU-287254-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh
7.	T-CMU-287255-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh
8.	T-CMU-287256-TT	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh
9.	T-CMU-287257-TT	Xác nhận chuyên gia

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 311 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</li> <li>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</li> </ul> <p>Sau đây viết tắt là “Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau”.</p>					
1	<p>Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án phù hợp.</p>	<p>Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ);</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>

					<p>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư).</p>	
2	<p>Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản</p>	<p>Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của chương trình, dự án và quyết định chủ trương đầu tư.</p>	<p>Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>

3	<p>Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản</p>	<p>Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án, cơ quan chủ quản xem xét quyết định chủ trương đầu tư.</p>	<p>Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>
4	<p>Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản</p>	<p>1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 80 ngày; b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 35 ngày; c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 25 ngày; d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án</p>	<p>Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>

	<p>khác: không quá 15 ngày.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.</p>				
--	---	--	--	--	--

5	<p>Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi</p>	<p>1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:  a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 80 ngày;  b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 35 ngày;  c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 25 ngày;  d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 15 ngày.  2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.  3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm</p>	<p>Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau</p>	<p>Không</p>	<p>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ;  - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>
---	--	--	--	--------------	---	--

		<p>quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.</p>				
6	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án	<p>1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:  a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 80 ngày;  b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 35 ngày;</p>	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư



	<p>c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 25 ngày;</p> <p>d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 15 ngày.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư</p>				
--	--	--	--	--	--

		chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.				
7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	Căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

9	Xác nhận chuyên gia	Trong vòng 11 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau	Không	<p>- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Những bộ phận tạo thành còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>
---	---------------------	--	---	-------	---	--

**TRÍCH NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH  
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1038/QĐ-BKHĐT NGÀY 28/7/2017  
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Làm cơ sở để sao y, thực hiện công khai và hướng dẫn, tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)*

**1. Thủ tục: Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**

**Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) chỉ đạo đơn vị trực thuộc chuẩn bị Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi căn cứ vào:

a) Nhu cầu vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trương, chính sách và những lĩnh vực ưu tiên thu hút và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của pháp luật và định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản đề nghị tài trợ kèm theo Đề xuất chương trình, dự án.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án phù hợp theo tiêu chí quy định tại khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Sau khi tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan, trường hợp hồ sơ và nội dung chưa hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ và nội dung. Trong trường hợp Đề xuất chương trình, dự án được lựa chọn hoặc không được lựa chọn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản để Ủy ban nhân dân tỉnh có đề xuất chương trình, dự án được lựa chọn phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

**Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đề nghị tài trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Đề xuất chương trình, dự án được lập thành 08 bản bằng hai thứ tiếng (Việt và Anh) có đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc (riêng Đề xuất chương trình, dự án: 08 bộ)

**Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh (các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Đề xuất chương trình, dự án.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đề xuất chương trình dự án tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**  
**SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

**I. TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

**II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT**

- Tầm quan trọng và sự cần thiết của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ,...

- Những nỗ lực đã được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.

- Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến.

**III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT**

**1. Mục tiêu, phạm vi của chương trình, dự án**

Mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và phạm vi của chương trình, dự án.

**2. Dự kiến kết quả chính của chương trình, dự án**

Tóm tắt kết quả chính dự kiến của chương trình, dự án.

**3. Dự kiến tổng vốn, thời gian của chương trình, dự án**

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (vốn ODA viện trợ không hoàn lại; vốn vay ODA; vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.

- Thời gian dự kiến hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

**4. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, phân tích sơ bộ khả năng bố trí nguồn lực, trả nợ (đối với dự án cho vay lại)**

**5. Đánh giá tác động**

Đánh giá tác động đối với chương trình đầu tư trung hạn của cơ quan đề xuất.

## **2. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản**

### **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Căn cứ khoản 3, Điều 13 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục IIIc của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư.

Bước 3: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và ngân hàng quốc tế khác mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện) thẩm định nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan có ý kiến về cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án và phương thức cho vay lại.

Bước 4: Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và phương thức cho vay lại, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định thông qua hình thức tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan có liên quan tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của chương trình, dự án và quyết định chủ trương đầu tư.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

### **Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đề nghị tài trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án đầu tư;
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về chương trình/dự án đầu tư (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc.

### **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh (các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại Phụ lục IIIc ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Được quy định tại Điều 12 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp không thuộc phạm vi sau:

a) Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi;

b) Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án đầu tư nhóm A và nhóm B; chương trình, dự án ô; chương trình, dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; chương trình tiếp cận theo ngành; dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị chương trình, dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô vốn tài trợ tương đương từ 2 triệu đô la Mỹ trở lên; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực;

c) Hỗ trợ ngân sách.



## **Phụ lục IIIc**

# **MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

## **I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU**

1. Tên dự án.

2. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất chương trình, dự án và chủ dự án (dự kiến).

3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

## **II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

1. Bối cảnh và sự cần thiết

1.1. Sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương liên quan đến nội dung của chương trình, dự án.

1.2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.

1.3. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

2. Những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án

2.1. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án

Mô tả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án.

2.2. Tóm tắt những sản phẩm dự kiến, kết quả chủ yếu của chương trình, dự án.

2.3. Mô tả tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án và các hợp phần (chương trình).

2.4. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.

2.5. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

2.6. Dự kiến tiến độ thực hiện.

2.7. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

2.8. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

2.9. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án.

2.10. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.

2.11. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính phù hợp (chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ; chính sách và ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài); tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tác động (nợ công (dự án vốn vay), kinh tế, xã hội, môi trường); tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

2.12. Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

**3. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản**

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Căn cứ khoản 3, Điều 13 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo Mẫu tại Phụ lục IIIc, Phụ lục IV của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về chủ trương đầu tư.

Bước 3: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế và ngân hàng quốc tế khác mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện) thẩm định nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng và khả năng cân đối các nguồn vốn này; cơ chế tài chính trong nước đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.

Bước 4: Căn cứ ý kiến các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chủ trương đầu tư.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

**Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đề nghị tài trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;
- Bản sao tài liệu làm việc với nhà tài trợ nước ngoài về dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ gốc.

**Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh (các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA tại Phụ lục IIIc và IV ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Được quy định tại Điều 12 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các trường hợp không thuộc phạm vi sau:

- a) Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi;
- b) Chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại trong các trường hợp sau: chương trình, dự án đầu tư nhóm A và nhóm B; chương trình, dự án ô; chương trình, dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; chương trình tiếp cận theo ngành; dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị chương trình, dự án vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi; dự án hỗ trợ kỹ thuật có quy mô vốn tài trợ tương đương từ 2 triệu đô la Mỹ trở lên; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực;
- c) Hỗ trợ ngân sách.

## **Phụ lục IIIc**

# **MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

## **I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU**

1. Tên dự án.
2. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất chương trình, dự án và chủ dự án (dự kiến).
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.

## **II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

1. Bối cảnh và sự cần thiết
  - 1.1. Sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương liên quan đến nội dung của chương trình, dự án.
  - 1.2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
  - 1.3. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án.
2. Những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án
  - 2.1. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án  
Mô tả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án.
  - 2.2. Tóm tắt những sản phẩm dự kiến, kết quả chủ yếu của chương trình, dự án.
  - 2.3. Mô tả tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án và các hợp phần (chương trình).
  - 2.4. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài (vốn ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
  - 2.5. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng và các nguồn vốn hợp pháp khác (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
  - 2.6. Dự kiến tiến độ thực hiện.

2.7. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

2.8. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

2.9. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án.

2.10. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.

2.11. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính phù hợp (chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ; chính sách và ưu tiên cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài); tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tác động (nợ công (dự án vốn vay), kinh tế, xã hội, môi trường); tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

2.12. Các hoạt động thực hiện trước.

Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài, cơ chế thực hiện các hoạt động này./.

## **Phụ lục IV**

### **MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ PHI DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

#### **I. TÊN KHOẢN PHI DỰ ÁN**

#### **II. TÊN NHÀ TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

#### **III. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KHOẢN PHI DỰ ÁN**

#### **IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN KHOẢN PHI DỰ ÁN**

#### **V. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN**

Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.

#### **VI. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA KHOẢN PHI DỰ ÁN**

#### **VII. TỔNG VỐN CỦA KHOẢN PHI DỰ ÁN**

1. Vốn ODA (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA có ràng buộc).

#### **VIII. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHI DỰ ÁN**

Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với phi dự án (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước./.

#### **4. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản**

##### **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập văn kiện chương trình, dự án báo cáo cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) để thẩm định.

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, dự án (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng), ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và các cơ quan khác về những nội dung có liên quan.

Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án, lập Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án để thẩm định.

Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định văn kiện chương trình, dự án thông qua hình thức tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của chương trình, dự án.

Bước 5: Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

##### **Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện chương trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc của chủ dự án (đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

- Văn kiện chương trình, dự án.

- Trường hợp chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ và các tài liệu khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn kiện chương trình, dự án.

- Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.



**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm định chương trình, dự án.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư chương trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Văn kiện chương trình, dự án tại Phụ lục V và VI ban hành kèm theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ).

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Được quy định tại Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án không thuộc phạm vi sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;
- Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;
- Chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư.

## **Phụ lục V**

# **MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật đầu tư công và bổ sung các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

### **I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

### **II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN**

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

### **III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

### **IV. NỘI DUNG DỰ ÁN**

1. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư.
2. Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư.
3. Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị.
4. Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án.
5. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường.
6. Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

7. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư.

8. Vốn đầu tư:

a) Xác định tổng mức đầu tư;

b) Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ); vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

c) Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

9. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA và vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án.

12. Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ dự án, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

13. Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

14. Các hoạt động thực hiện trước (nếu có): Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

## **V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án./.

**Phụ lục VI**  
**MẪU VĂN KIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG**  
**VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 54 của Luật xây dựng; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA và vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

**II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN**

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

**III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

**IV. VỐN ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN**

1. Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ), vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

4. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

## **V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

## **VI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC (nếu có)**

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này./.

## **5. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi**

### **Trình tự thực hiện:**

- Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật có những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 25 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP hoặc có viện trợ mua sắm các loại hàng hóa phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép theo quy định hiện hành của pháp luật: cơ quan chỉ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện trình tự thẩm định như quy định tại khoản 5, Điều 26 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt văn kiện dự án và quyết định đầu tư;

- Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật khác: Ủy ban nhân dân tỉnh không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư để phê duyệt văn kiện dự án và quyết định đầu tư.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

### **Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện chương trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc của chủ dự án (đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

- Văn kiện chương trình, dự án.

- Trường hợp chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ và các tài liệu khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn kiện chương trình, dự án.

- Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

### **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ/Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm định dự án.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư chương trình, dự án của Thủ tướng Chính phủ/Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Văn kiện chương trình, dự án tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Được quy định tại Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP, cụ thể: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

- Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

- Chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư.

Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án đối với các trường hợp còn lại.

**Phụ lục VII**  
**MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT**  
**SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

**I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

**II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN**

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

**III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

**IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

**V. MÔ TẢ DỰ ÁN**

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

**VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

**VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).



2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

## **VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

## **IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN**

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

## **X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

## **XI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI DỰ ÁN**

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

## **XII. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC**

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này./.

## **6. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án**

### **Trình tự thực hiện:**

- Đối với khoản phi dự án có những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP và viện trợ mua sắm các loại hàng hóa phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép theo quy định hiện hành của pháp luật: cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện trình tự thẩm định như quy định tại khoản 5 Điều này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt văn kiện khoản phi dự án và quyết định đầu tư;

- Đối với các khoản phi dự án khác: Ủy ban nhân dân tỉnh không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Quyết định chủ trương đầu tư để phê duyệt văn kiện phi dự án và quyết định đầu tư.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

### **Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện phi dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với văn kiện chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc của chủ dự án (đối với văn kiện phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Quyết định chủ trương đầu tư phi dự án.

- Văn kiện phi dự án.

- Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn kiện phi dự án.

- Các tài liệu có liên quan đến phi dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

### **Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ/Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm định phi dự án.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định đầu tư phi dự án của Thủ tướng Chính phủ/Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Văn kiện chương trình, dự án tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

Được quy định tại Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP, cụ thể: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;
- Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;
- Chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư.

Người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án đối với các trường hợp còn lại.

**Phụ lục X**  
**MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ)*

**I. TÊN PHI DỰ ÁN**

**II. NHÀ TÀI TRỢ, ĐỒNG TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

**III. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KHOẢN PHI DỰ ÁN**

**IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN KHOẢN PHI DỰ ÁN**

**V. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN**

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

**VI. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN**

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

**VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN**

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

**VIII. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN**

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

**IX. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA viện trợ không hoàn lại có ràng buộc).

**X. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI PHI DỰ ÁN**

1. Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;
2. Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;
3. Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại theo quy định của Luật quản lý nợ công./.

**7. Thủ tục: Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng**

**Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, căn cứ văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) xem xét và phê duyệt.

Bước 2: Đối với chương trình, dự án ô, kế hoạch tổng thể phải bao gồm kế hoạch tổng thể của các dự án thành phần. Người đứng đầu cơ quan chủ quản chương trình, dự án ô (Bộ, ngành Trung ương) phê duyệt kế hoạch tổng thể chương trình, dự án ô; người đứng đầu cơ quan chủ quản dự án thành phần (Ủy ban nhân dân tỉnh) phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án thành phần.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

**Thành phần hồ sơ:** Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được lập cho toàn bộ thời gian thực hiện chương trình, dự án và phải bao gồm tất cả hợp phần, hạng mục, nhóm hoạt động, nguồn vốn tương ứng (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng) và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án thành phần).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh (Chủ dự án, các cơ quan quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**8. Thủ tục: Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm**

**Trình tự thực hiện:**

Trên cơ sở kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng trung hạn 5 năm và kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án đã được cơ quan chủ quản (Ủy ban nhân dân tỉnh) phê duyệt; căn cứ tình hình giải ngân thực tế và kế hoạch giải ngân theo điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, chủ dự án xem xét và trình người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

**Thành phần hồ sơ:** Nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm phải có thông tin chi tiết về các hợp phần (chia theo hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư xây dựng), các hạng mục và hoạt động chính, các nguồn vốn, kể cả vốn đối ứng và tiến độ thực hiện dự kiến kèm theo.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Cơ quan thực hiện:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh (Chủ dự án, các cơ quan quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính).

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hàng năm được phê duyệt.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

## **9. Thủ tục: Xác nhận chuyên gia**

### **Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chuyên gia người nước ngoài cung cấp thông tin cần thiết cho Chủ dự án.

- Bước 2: Trong vòng 25 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng chuyên gia có hiệu lực, Chủ dự án gửi Ủy ban nhân dân tỉnh công văn đề nghị xác nhận chuyên gia kèm theo hồ sơ theo quy định.

**Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến đầu mối tiếp nhận tại Sở Kế hoạch và Đầu tư (qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau).

### **Thành phần hồ sơ:**

- Bản cam kết không mang quốc tịch Việt Nam của chuyên gia.

- Bản sao hộ chiếu (có chứng thực) của chuyên gia và các thành viên trong gia đình chuyên gia, trong đó có trang thị thực nhập cảnh Việt Nam (nếu có) và trang đóng dấu xuất nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

- Bản gốc hoặc bản sao (có chứng thực) các tài liệu sau: (i) Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu dịch vụ tư vấn (cá nhân hoặc nhóm chuyên gia); (ii) Tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm phân danh sách tư vấn).

- Văn bản chấp thuận của Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong trường hợp có sự thay đổi và bổ sung so với danh sách chuyên gia, tư vấn trong tài liệu đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bản sao hợp đồng tư vấn của chuyên gia (cá nhân hoặc Nhóm chuyên gia) ký với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**Cơ quan thực hiện:** Chủ dự án của các chương trình, dự án ODA có chuyên gia nước ngoài làm việc và cần xác nhận chuyên gia.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Là tổ chức (Các chủ dự án của các chương trình, dự án ODA có chuyên gia nước ngoài làm việc và cần xác nhận chuyên gia).

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Tờ khai xác nhận chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA tại Việt Nam tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

## MẪU SỐ 1

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính)

### TỜ KHAI XÁC NHẬN CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA TẠI VIỆT NAM

#### I. PHẦN DÀNH CHO CHỦ DỰ ÁN

**1. Tên chương trình, dự án ODA:**

.....

**2. Tên nhà tài trợ:**

.....

**3. Chủ dự án:**

Tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Mã số đơn vị sử dụng NSNN:.....

**4. Cơ quan chủ quản:**

Tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Mã số đơn vị sử dụng NSNN:.....

**5. Ban quản lý dự án:**

Tên:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

**6. Địa điểm thực hiện dự án:**

.....

**7. Thời gian thực hiện dự án:**

Từ ngày.....đến ngày.....

**8. Tổng vốn ODA**

- Nguyên tệ: .....

- Quy ra USD: .....

**9. Loại hình viện trợ:**

- ODA không hoàn lại:

- ODA vay ưu đãi:

- ODA vay hỗn hợp:

**10. Văn bản phê duyệt văn kiện dự án của cấp có thẩm quyền:**

Số:.....ngày.....của.....



**11. Những hoạt động có sử dụng chuyên gia nước ngoài theo văn kiện dự án:**

.....  
.....

**12. Chuyên gia nước ngoài đề nghị xác nhận:**

- Tên chuyên gia nước ngoài:.....
- Quốc tịch: .....
- Số hộ chiếu: .....
- Số visa (nếu có): .....
- Công việc thực hiện theo Hợp đồng ký với Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài:.....  
.....
- Thời gian làm việc tại Việt Nam: Từ ngày.....đến ngày.....

**13. Hồ sơ gửi kèm theo gồm: (Quy định tại Khoản 1, Điều 3 của Thông tư)**

.....  
.....

Đề nghị (Tên Cơ quan chủ quản) xác nhận (Tên chuyên gia nước ngoài) đáp ứng các điều kiện về ưu đãi và miễn trừ theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA.

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## **II. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

**14. Trên cơ sở thẩm tra thông tin và hồ sơ xác nhận chuyên gia nước ngoài đính kèm của Chủ dự án nêu tại Mục I của Tờ khai (Tên Cơ quan chủ quản) xác nhận:**

(Tên chuyên gia nước ngoài) đáp ứng đủ các điều kiện về ưu đãi và miễn trừ theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA.

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)